

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-02-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Bà Phạm Thị Bấm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều D; nơi cư trú: Đường Đ, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Dương Mạnh C; nơi cư trú: Đường P, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 11 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1992, bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Dương Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ

chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 29/7/1992 tại Ủy ban nhân dân phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung. Bà D và ông C đã sống ly thân hơn 10 năm, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà D và ông C có 02 con chung là Dương Thị Thúy A, sinh ngày 27/10/1992 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2001. Các con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà D và ông C không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Mạnh C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 29/7/1992 tại Ủy ban nhân dân phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn mà chủ yếu quan hệ giữa mẹ ông C và bà D không được tốt. Sau khi sinh con đầu lòng thì bà D thường xuyên sống cùng bố mẹ đẻ vì nhờ ông bà trông con. Cách đây khoảng 10 năm, khi con gái lớn của ông bà sinh cháu thì bà D đã đến ở hẳn nhà con gái để trông cháu, ông bà chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay bà D xin ly hôn, ông C đề nghị Tòa án hòa giải cho ông bà được đoàn tụ để con cái và các cháu có gia đình sum họp hạnh phúc.

- Về con chung: Ông C và bà D có 02 con chung là Dương Thị Thúy A, sinh ngày 27/10/1992 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2001. Các con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông C và bà D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân

thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà D được ly hôn ông C. Về việc nuôi con: Bà D và ông C có 02 con chung là Dương Thị Thúy A, sinh ngày 27/10/1992 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2001. Các con đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản: Bà D và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Bà D là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Bà Nguyễn Thị Kiều D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Bà Nguyễn Thị Kiều D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Dương Mạnh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội D:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Dương Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của bà D và ông C qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện sau khi kết hôn, ông bà sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan hệ giữa mẹ ông C và bà D không tốt dẫn đến vợ chồng không có sự đồng cảm, không có tiếng nói chung. Bà D và ông C đã sống ly thân hơn 10 năm, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ

chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của bà D và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Dương Mạnh C có 02 con chung là Dương Thị Thúy A, sinh ngày 27/10/1992 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2001. Các con đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Dương Mạnh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Bà Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn ông Dương Mạnh C.

2. Về việc nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Dương Mạnh C có 02 con chung là Dương Thị Thúy A, sinh ngày 27/10/1992 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 11/02/2001. Các con đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Dương Mạnh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003022 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị Kiều D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D và bị đơn ông Dương Mạnh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Dương sự;
- UBND phường Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 29/7/1992);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo